

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ thông tin
và Truyền thông
Chương: 427

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 07 tháng 02 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
3	Số thu dịch vụ được để lại	1.500	2.255	150,33	127
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp kinh tế (nguồn thu dịch vụ)				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.221	1.078	88,29	188
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.275	14.667	0,76	91,95
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	950	716	75,37	140,70
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	950	716	75,37	140,70
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	18.085	13.788	76,24	92,79
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.631	3.601	99,17	118,77
	Chi con người và hoạt động	3.631	3.601	99,17	118,77
	Dành 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.454	10.187	70,48	86,13
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	90	48	53,33	114,29
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	90	48	53,33	114,29
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi sự nghiệp tài chính và khác	150	115	76,80	63,33
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150	115	76,80	63,33
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				

8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

An Giang, Ngày 07 tháng 02 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trần Trường Giang

Mã chương: 427

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông

Mã ĐVQHNS: 1034985

Mã cấp NS: 2

Người ký: Cao Bích Viên
Ngày ký: 06/02/2025 16:37:07
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN An Giang
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	085	00498	0	0	50.000.000	50.000.000	50.000.000	32.800.000	32.800.000	0	0	0	17.200.000
12	428	00498	0	0	50.000.000	50.000.000	50.000.000	29.012.600	29.012.600	0	0	0	20.987.400
12	085	00000	0	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000	683.266.400	683.266.400	0	0	0	216.733.600
12	191	00000	0	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	48.052.000	48.052.000	0	0	2.000.000	41.948.000
12	314	00000	0	11.104.000.000	14.454.000.000	14.454.000.000	14.454.000.000	10.186.508.979	10.186.508.979	1.259.000.000	0	113.000.000	4.267.491.021
12	428	00000	0	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	86.226.832	86.226.832	0	0	5.000.000	13.773.168
13	314	00000	10.635.543	3.501.000.000	3.620.176.162	3.620.176.162	3.630.811.705	3.600.811.705	3.600.811.705	0	0	30.000.000	30.000.000
14	314	00000	32.176.162	87.000.000	-32.176.162	-32.176.162	0	0	0	0	0	0	0
Cộng:			42.811.705	15.782.000.000	19.232.000.000	19.232.000.000	19.274.811.705	14.666.678.516	14.666.678.516	1.259.000.000	0	150.000.000	4.608.133.189
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 2 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Trần Trường Giang
Ngày ký: 06/02/2025 09:00:00
Đơn vị: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông

Người ký: Lý Thanh Trúc
Ngày ký: 06/02/2025 09:00:00
Đơn vị: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông

Lý Thanh Trúc
Trần Trường Giang

Ngày 6 tháng 2 năm 2025
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Cao Bích Viên
Ngày ký: 06/02/2025 16:00:00
Đơn vị: VP KINH AN GIANG

Nga Nguyen Thi Xuan

Cao Bích Viên

Bảng thanh toán											
STT	Ngày	Mã hàng	Mô tả hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Giá trị thuế GTGT	Giá trị thuế GTGT	Giá trị thuế GTGT	Giá trị thuế GTGT
1	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
2	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
3	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
4	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
5	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
6	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
7	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
8	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
9	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
10	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
11	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
12	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
13	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
14	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
15	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
16	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
17	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
18	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
19	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
20	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
21	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
22	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
23	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
24	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
25	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
26	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
27	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
28	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
29	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
30	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
32	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
33	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
34	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
35	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
36	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
37	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
38	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
39	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
40	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
41	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
42	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
43	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
44	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
45	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
46	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
47	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
48	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
49	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
50	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
51	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
52	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
53	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
54	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
55	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
56	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
57	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
58	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
59	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
60	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
61	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
62	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
63	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
64	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
65	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
66	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
67	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
68	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
69	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
70	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
71	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
72	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
73	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
74	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
75	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
76	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
77	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
78	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
79	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
80	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
81	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
82	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
83	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
84	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
85	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
86	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
87	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
88	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
89	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
90	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
91	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
92	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
93	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
94	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
95	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
96	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
97	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
98	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
99	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...
100	06/02	00000	...	...	...	...	...	...	...	...	...

ĐƠN ĐƠN CHỨNG NHẬN THANH TOÁN HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

Ngày cấp: 06/02/2025

Mã hàng: 000000

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông

Ngày cấp: 06/02/2025

Mã hàng: 000000

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông